

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt )  
Kèm Quyết định số: 49/TB-UBND, ngày 26/02/2024 của UBND xã Phước An

| Dvt: triệu đồng |                                                                           |                 |              |                                |                                  |                                  |                            |                                   |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------|---------|
| TT              | DANH MỤC CÔNG TRÌNH                                                       | Thời gian KC-HT | Tổng dự toán |                                | Giá trị thực hiện đến 31/12/2023 | Giá trị đã thanh toán 31/12/2023 | Tổng kế hoạch vốn năm 2024 | Trong đó chia theo nguồn          |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   | Ghi chú |
|                 |                                                                           |                 | Tổng số      | Tr đó : nguồn đóng góp của dân |                                  |                                  |                            | Huyện hỗ trợ tiền SD đất năm 2024 | Chuyển nguồn | Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2024 | Huyện hỗ trợ, KCH KM và GTNT | Nghị định ND 35/2015/ ND-CP HT đất lúa năm 2024 | Chương trình NTM | Thu đóng góp khác |         |
|                 | TỔNG CỘNG                                                                 |                 |              |                                |                                  |                                  | 2.000.000                  | 2.000.000                         | -            | -                                 | -                            | -                                               | -                | -                 |         |
| I               | CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ                                                         |                 |              |                                |                                  |                                  | 100.000                    | 100.000                           | -            | -                                 | -                            | -                                               | -                | -                 |         |
| 1               | Thẩm tra quyết toán, chi phí tư vấn, quản lý dự án                        |                 |              |                                |                                  |                                  | 100.000                    | 100.000                           |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
|                 | CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP                                                    |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
|                 | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư                                  |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
|                 | Quy hoạch chung xây dựng xã Phước An, huyện Tuy Phước đến năm 2035        |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
|                 | CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI                                                   |                 |              |                                |                                  |                                  | 1.850.000                  | 1.850.000                         |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 1               | KCHKM tuyến từ Ngõ Văn đến Ao bà Tâm                                      |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 2               | KCHKM tuyến từ Ngõ Duy đến Nghĩa địa Gò Đá                                |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 3               | BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thanh 1          |                 |              |                                |                                  |                                  | 70.000                     | 70.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 4               | BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỹ đến Cầu Giáp Sỏ, thôn Ngọc Thanh 1          |                 |              |                                |                                  |                                  | 100.000                    | 100.000                           |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 5               | BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhân, thôn Đại Hội                  |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |
| 6               | BTXM đường nội đồng từ Ngõ Chín Rê đến Ruộng Trịnh Thị Sáo thôn Thanh Huy |                 |              |                                |                                  |                                  | 50.000                     | 50.000                            |              |                                   |                              |                                                 |                  |                   |         |

|    |                                                                                      |  |  |  |  |  |         |         |  |  |  |  |  |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|---------|---------|--|--|--|--|--|--|--|
| 7  | Mua sắm trang thiết bị nhà Văn hóa các thôn                                          |  |  |  |  |  | 80.000  | 80.000  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8  | Xây dựng Khu sinh hoạt cộng đồng cho người già và trẻ em                             |  |  |  |  |  | 100.000 | 100.000 |  |  |  |  |  |  |  |
| 9  | Xây dựng chợ trung tâm xã                                                            |  |  |  |  |  | 150.000 | 150.000 |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Mở rộng tuyến đường giao thông từ Ngã tư Đại Hội đến khu tái định cư.                |  |  |  |  |  | 200.000 | 200.000 |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Nâng cấp tràn vượt lũ, thôn Thanh huy 2                                              |  |  |  |  |  | 40.000  | 40.000  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Xây dựng sân khấu ngoài trời điểm trường chính Đại Hội trường Mầm non Phước An       |  |  |  |  |  | 50.000  | 50.000  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Xây dựng Nhà đa năng trường Tiểu học số 1 Phước An (Điểm trường chính)               |  |  |  |  |  | 540.000 | 540.000 |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Dì dời tuyến điện Từ UBND xã đến Cầu Cả Bộ                                           |  |  |  |  |  | 20.000  | 20.000  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Nâng cấp, mở rộng sân bóng đá mini trường Tiểu học số 2 Phước An (điểm trường chính) |  |  |  |  |  | 50.000  | 50.000  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Nâng cấp sân nền trường Trung học cơ sở Phước An                                     |  |  |  |  |  | 250.000 | 250.000 |  |  |  |  |  |  |  |

